

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày: 26-5-2022

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Ân
- Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Phong Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996; tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp K, xã X, huyện K, tỉnh Trà Vinh; nơi tạm trú: ấp K, xã P, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chút T (đã chết) và bà Lê Thị Thùy T; vợ Lữ Huỳnh L (đã ly hôn); hiện sống chung vợ chồng với Nguyễn Thị M; có 02 con chung Nguyễn Lữ Khánh A, sinh năm 2020 và Nguyễn Hoàng Mỹ K, sinh năm 2021; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 06/01/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trường A, sinh ngày 20/4/1993 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện N, tỉnh Vĩnh Long; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Lê Thị L; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Bà Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1980 “vắng mặt”.
- Ông Võ Văn P, sinh năm 1976 “vắng mặt”.

3. Ông Trương Văn T, sinh năm 1966 “có mặt”.

4. Bà Tô Thị Mỹ K, sinh năm 1968 “vắng mặt”

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 “có mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

Phố, xã

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Do quen biết nên khoảng 18 giờ ngày 29/11/2021, Nguyễn T A đến phòng trọ do Nguyễn Trọng K thuê tại ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Vĩnh Long để cùng K chơi game. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, K và A đi bộ từ nhà trọ của K đến khu vực chợ xã T tìm mua thẻ cào điện thoại di động để nạp chơi game nhưng các quầy hàng đều đã đóng cửa. Khi đi đến kiốt bán trái cây, thẻ cào điện thoại của bà Nguyễn Huỳnh N thì thấy khóa cửa nên K nảy sinh ý định đột nhập vào trong kiốt của bà N để tìm tài sản lấy trộm, K rủ A cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì A đồng ý. K tháo dép đang mang ra đưa cho A giữ, A đứng phía ngoài rào phía trước kiốt của bà N để canh đường cảnh giới cho K, K leo qua rào đột nhập vào bên trong kiốt của bà N lục tìm tài sản và lấy được số tiền là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) trong ngăn tủ rồi leo trở ra bên ngoài, cả hai về nhà trọ của K, số tiền trộm cắp được K chia cho A 2.000.000đ (hai triệu đồng), K tiêu xài cá nhân 9.500.000đ (chín triệu năm trăm ngàn đồng), còn lại 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) K và A cùng mua thẻ cào nạp vào điện thoại để chơi game. Ngày 30/11/2021 thì bà Nguyễn Huỳnh N phát hiện và trình báo với Công An xã T.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Huỳnh N thì Nguyễn Trọng K còn thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản khác tại ấp K, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cụ thể như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 31/7/2021 Nguyễn Trọng K nảy sinh ý định đột nhập vào các kiốt không người trông giữ tại khu vực chợ xã Hựu Thành để trộm cắp tài sản nên K đã lấy và mang theo 01 (một) cái tua vít (là tài sản của K) rồi đi bộ đến khu vực nhà lồng chợ xã H thì phát hiện tiệm tạp hóa K T do ông Trương Văn T và bà Tô Thị Mỹ K, làm chủ, do khóa cửa bên ngoài nên K dùng tua vít cạy khóa, mở cửa đột nhập vào bên trong lục tìm lấy được số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và thẻ cào điện thoại di động của các nhà mạng Viettel, Mobifone, Vinaphone gồm nhiều mệnh giá có tổng giá trị 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) của ông T để trong ngăn tủ rồi tẩu thoát ra ngoài. Tiền chiếm đoạt được K chi xài cá nhân, thẻ cào điện thoại di động K đã nạp vào điện thoại để chơi game. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt của ông T là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Khoảng 22 giờ ngày 06/9/2021, Nguyễn Trọng K mang theo 01 (một) cây xà beng (loại cây kim loại dùng nhổ đinh, là tài sản của K), đi bộ từ phòng trọ của K đến khu vực nhà lồng chợ xã D tìm cửa hàng không người trông coi để đột nhập vào lấy trộm tài sản thì phát hiện quầy thuốc tây của bà Nguyễn Thị M đóng cửa và khóa bên ngoài, qua sát thấy không có người trông giữ nên K đã dùng xà beng mang sẵn

theo phá khóa rồi mở cửa đột nhập vào trong lục tìm và lấy trộm được số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng) và thẻ cào điện thoại di động của các nhà mạng Viettel và Mobifone gồm nhiều mệnh giá có tổng giá trị 1.000.000đ (một triệu đồng) của bà M để trong ngăn tủ rồi tẩu thoát ra ngoài, K để xà beng lại cửa quầy thuốc tây của bà M, số tiền trộm cắp được K dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân, thẻ cào điện thoại di động K đã nạp vào điện thoại để chơi game. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt của bà M là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: 01 (Một) cây xà beng bằng kim loại, màu đen đã cũ, rỉ sét, một đầu dẹp thẳng, một đầu dẹp cong có rãnh ở giữa, trên thân có gân nổi; 01 (một) đôi dép, loại dép tổ ong bằng nhựa màu vàng đã qua sử dụng, đế dép có chữ “THÁI HIỆP A4 L”. Hiện chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý.

Các tài liệu, đồ vật không thu giữ được:

+ Số tiền bị cáo K và A lấy trộm của bà N, các bị cáo đã tiêu xài hết vào mục đích cá nhân; số tiền và thẻ cào mà bị cáo K lấy trộm của ông T và bà M, bị cáo K đã tiêu xài hết vào mục đích cá nhân, thẻ cào điện thoại di động bị cáo đã nạp hết vào phần mềm chơi game trong điện thoại di động của bị cáo và đã thua hết vào mục đích chơi game.

+ 01 (một) cái tua vít của K dùng để cạy khóa cửa tiệm tạp hóa của ông T, bị cáo K đã bỏ thất lạc, hiện không tìm được.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trương Văn T yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng). Bị cáo Nguyễn Trọng K đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T, bà K và bà M. Đối với các bản lề, khoen móc khóa cửa, ổ khóa mà bị cáo K cạy, phá để đột nhập vào kiốt của các bị hại ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị M để trộm cắp tài sản, ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu bị cáo K bồi thường.

Bà Nguyễn Huỳnh N yêu cầu Nguyễn Trọng K và Nguyễn T A bồi thường số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), bị cáo K và bị cáo A đồng ý trả. Hiện bị cáo Nguyễn Trường A đã tự nguyện nộp số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) và bị cáo K trả 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho bà N ông P cùng với ông T, bà K và bà M. Đối với khung sắt mà bị cáo K làm hư hỏng để đột nhập vào kiốt của các bị hại bà Nguyễn Huỳnh N để trộm cắp tài sản, bà Nguyễn Huỳnh N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số:15/CT-VKSTÔ ngày 04/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng K và Nguyễn Trường A về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng K và Nguyễn Trường A phạm tội “trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52 điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58, 17 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 38, 58, 17 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A từ 09 tháng đến 01 năm tù Nng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo K, A liên đới bồi thường chị Nguyễn Huỳnh N và anh Võ Văn P số tiền 14.000.000đồng nhưng bị cáo A đã nộp 9.000.000đồng trả cho chị N và anh P còn lại 5.000.000đồng buộc bị cáo K và bị cáo A trả tiếp cho bà N và ông P.

Buộc bị cáo K trả cho ông T và bà K 9.000.000đồng và trả cho bà M 2.800.000đồng.

Tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tạm giữ số tiền của bị cáo A đã nộp 9.000.000đồng để trả cho bà N và ông P và tạm giữ của bị cáo K 5.000.000đồng để trả cho bà N, ông P, ông T, bà K và bà M khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về vật chứng: đề nghị căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) cây xà beng bằng kim loại, màu đen đã cũ, rỉ sét, một đầu dẹp thẳng, một đầu dẹp cong có rãnh ở giữa, trên thân có gân nổi là công cụ phạm tội và 01 (Một) đôi dép, loại dép tổ ong bằng nhựa màu vàng đã qua sử dụng, đế dép có chữ “THÁI HIỆP A4 L”.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự và buộc bị cáo A nộp 300.000đồng án phí dân sự. Buộc bị cáo K phải nộp 590.000đồng án phí dân sự.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và có thái độ ăn năn, hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự đồng bồi thường theo yêu cầu của những bị hại.

Bà N và ông P vắng mặt nhưng có văn bản trình bày yêu cầu bị cáo K và bị cáo A trả 14.000.000đồng.

Ông T, bà K yêu cầu bị cáo K trả 9.000.000đồng.

Bà M yêu cầu bị cáo K trả 2.800.000đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: hai bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại chị N, anh P, bà K có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, được cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc xét xử vắng mặt của Hội đồng xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Trọng K và Nguyễn Trường A tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập, qua đó xác định: Khoảng 23 giờ ngày 29/11/2021, tại kiốt bán trái cây, thẻ cào điện thoại của bà Nguyễn Huỳnh N ở ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Trọng K và Nguyễn Trường A có hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) của bà N, K để tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra Nguyễn Trọng K còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

- Khoảng 22 giờ ngày 31/7/2021 tại cửa hàng bán tạp hóa, đồng hồ, thẻ cào điện thoại di động của ông Trương Văn T tại ấp S, xã H, huyện G, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Trọng K có hành vi dùng tua vít K mang theo cạy khóa, mở cửa đột nhập vào bên trong kiốt của ông T trộm cắp tài sản của ông T là số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và thẻ cào điện thoại di động các loại có giá trị 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) nhằm mục đích tiêu xài cá nhân và nạp thẻ cào vào điện thoại di động để chơi game. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt của ông T là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

- Khoảng 22 giờ ngày 06/9/2021, Nguyễn Trọng K có hành vi phá khóa, mở cửa đột nhập vào trong tiệm bán thuốc tây của bà Nguyễn Thị M tại ấp P, xã K, huyện F, tỉnh Vĩnh Long trộm cắp tài sản của bà M là số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng) và thẻ cào điện thoại di động có giá trị là 1.000.000đ (Một triệu đồng) để tiêu xài cá nhân và nạp thẻ cào vào điện thoại di động để chơi game. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt của bà M là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Trọng K phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là 25.800.000đ (hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng). Trong đó, bị cáo Nguyễn Trường A phải cùng với Nguyễn Trọng K chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Như vậy, có đủ căn cứ để quy kết các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của Nguyễn Trọng K và Nguyễn Trường A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo lắng. Bị cáo K là người có vai trò chính, là người trực tiếp thực hiện 03 lần trộm tài sản của người khác. Bị cáo A thực hiện 01 hành vi trộm tiền của chị N và anh P cùng với bị cáo K. Trong vụ trộm tiền của chị N và anh P bị cáo K là người trực tiếp lấy trộm tiền, còn bị cáo A là đồng phạm với vai trò giúp sức, canh đường cho bị cáo K trộm. Do đó, hình phạt dành cho bị cáo K trong vụ án này phải nặng hơn so với bị cáo A.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự do bị cáo thực hiện hành vi trộm tài sản nhiều lần.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo K sau khi phạm tội tự nguyện bồi thường 01 phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo tự thú đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo A sau khi phạm tội tự nguyện bồi thường 01 phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo có cha là bộ đội xuất ngũ, có bà nội là Võ Thị Đ là người có công được Nhà nước được tặng Huân chương kháng chiến hạn nhì, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, vai trò phạm tội thứ yếu, bị cáo có nhân thân tốt nên không cần thiết giam bị cáo mà cho bị cáo hưởng án treo thấy cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại

Buộc các bị cáo K và A trả cho bị hại bà N và ông P số tiền 14.000.000đồng.

Buộc bị cáo K trả cho ông T và bà K 9.000.000đồng và trả cho bà M 2.800.000đồng.

Bị cáo A đã nộp 9.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn để trả cho bà N, ông P, còn lại 5.000.000đồng buộc bị cáo K và bị cáo A liên đới trả tiếp cho bà N và ông P.

Bị cáo K nộp 5.000.000đồng để trả cho bà N, ông P; ông T, bà K và chị M. Còn lại 11.800.000đồng buộc bị cáo K trả tiếp.

[7] Về vật chứng: 01 (một) cây xà beng bằng kim loại, màu đen đã cũ, rỉ sét, một đầu dẹp thẳng, một đầu dẹp cong có rãnh ở giữa, trên thân có gân nổi là công cụ

phạm tội và 01 (một) đôi dép, loại dép tổ ong bằng nhựa màu vàng đã qua sử dụng, đế dép có chữ “THÁI HIỆP A4 L” không còn giá trị sử dụng, bị cáo không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy theo quy định Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự và buộc bị cáo A nộp 300.000 đồng án phí dân sự phần bồi thường tiếp cho bị hại P. Buộc bị cáo K phải nộp 590.000 đồng án phí dân sự theo quy định Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng K;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 17 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn T A;

Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đối với các bị cáo.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng K và Nguyễn Trường A phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 06/01/2022).

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Với thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Trường A cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3 .Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng K và bị cáo Nguyễn Trường A liên đới trả cho bà Nguyễn Huỳnh N, ông Võ Văn P 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng K trả cho ông Trương Văn T và bà Tô Thị Mỹ K 9.000.000đ (chín triệu đồng) và trả cho bà Nguyễn Thị M 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng).

3.3. Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả bà Nguyễn Huỳnh N, ông Võ Văn P 9.000.000đ (chín triệu đồng) theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q ngày 06/5/2022 và biên lai thu tiền số 0006369 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Giao trả cho bà Nguyễn Huỳnh N, ông Võ Văn P; Trương Văn T, bà Tô Thị Mỹ K; bà Nguyễn Thị M 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006282 ngày 06/5/2022 và biên lai số 0006284 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày những bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chưa trả tiền xong cho các bị hại thì phải chịu lãi phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây xà beng bằng kim loại, màu đen đã cũ, rỉ sét, một đầu dẹp thẳng, một đầu dẹp cong có rãnh ở giữa, trên thân có gân nổi là công cụ phạm tội và 01 (Một) đôi dép, loại dép tổ ong bằng nhựa màu vàng đã qua sử dụng, đế dép có chữ “THAI HIỆP A4 L”.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện E ngày 06/5/2022.

5. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng K nộp 200.000đồng án phí hình sự và 590.000đồng án phí dân sự. Tổng cộng 790.000đ (bảy trăm chín mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Trường A nộp 200.000đồng án phí hình sự và 300.000đồng án phí dân sự. Tổng cộng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo K, A và bị hại ông T và bà M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại bà N, ông P, bà K vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở tư pháp: 01;
- Phòng hồ sơ Công A tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- CA huyện Trà Ôn: 02;
- THA huyện Trà Ôn: 01;
- UBND xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè
Tỉnh Trà Vinh: 01 ;
- UBND xã Hiếu Nghĩa, huyện Vũng Liêm: 01
- Bị cáo: 02;
- Bị hại: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong